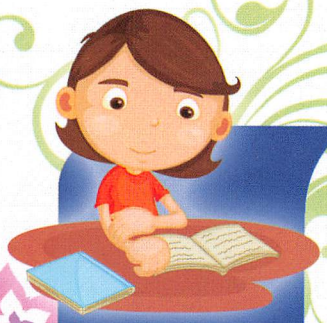
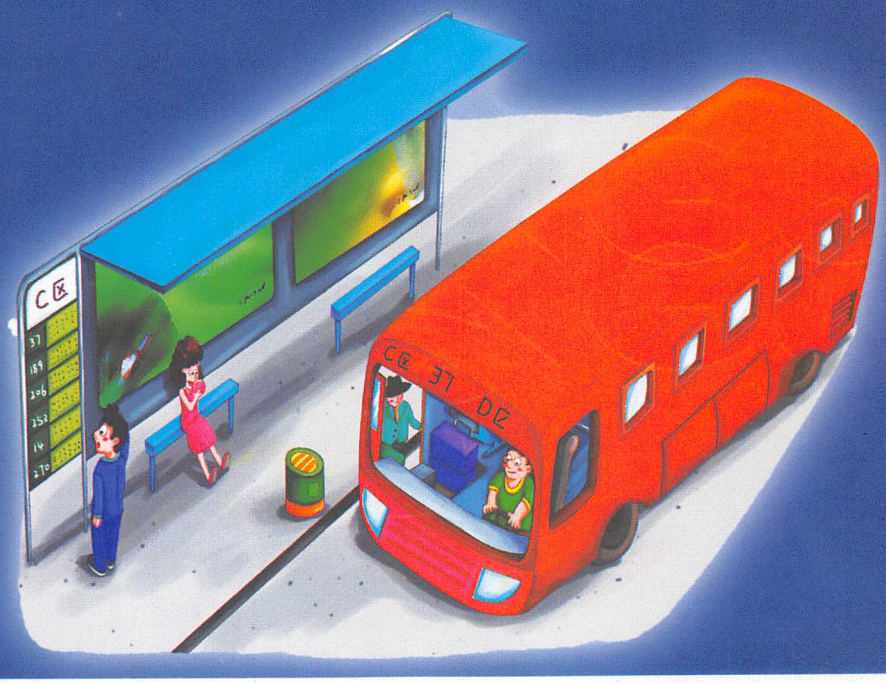
Nhân Văn *Group*



Tủ Sách Biết Nói
iPen

900 CÂU HÁN NGỮ

TẬP 4



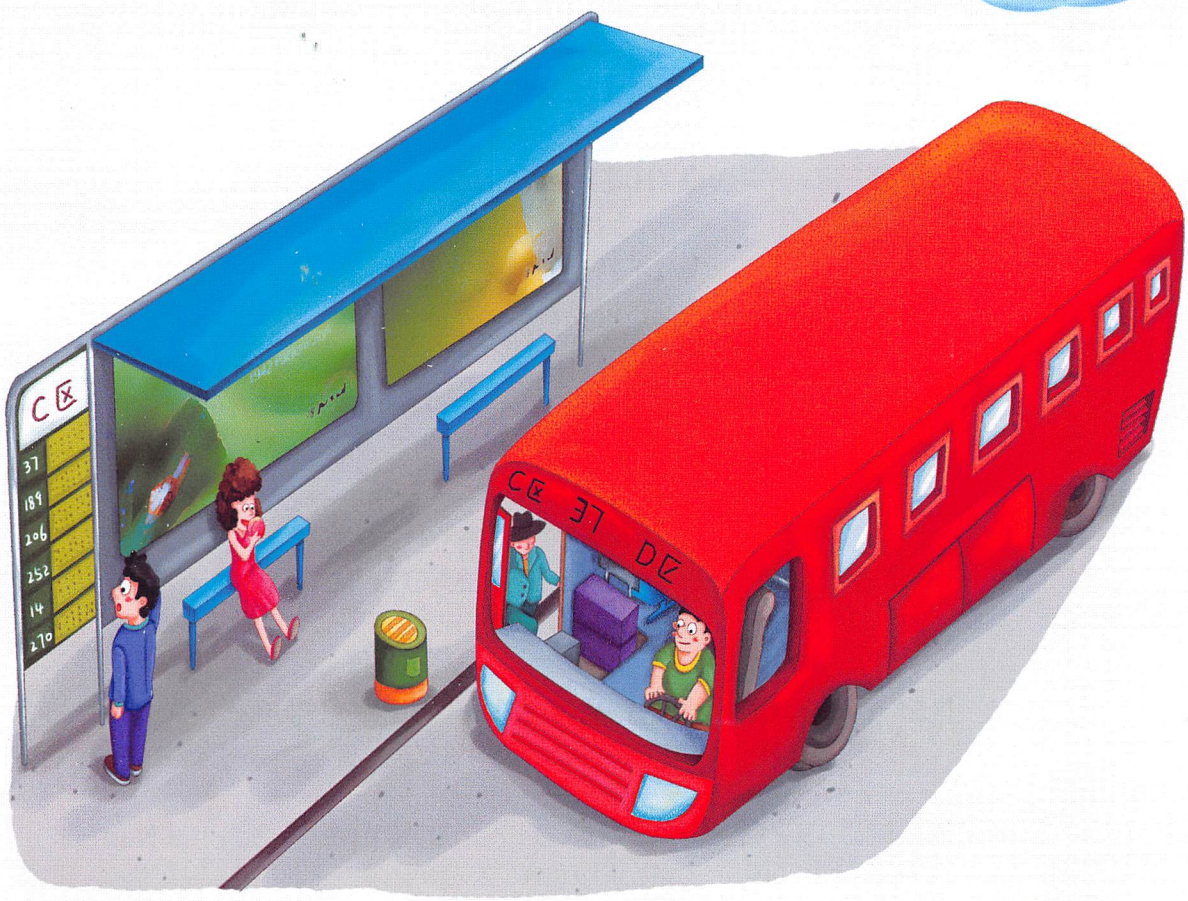
NhanVan.vn
Nhà sách trực tuyến

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Nhân Văn Group

900 Câu Hán Ngữ

Tập 4



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 301 303 – Fax: (08) 39 381 382
Email: *nxb@hcmup.edu.vn*
Website: *http://nxb.hcmup.edu.vn*

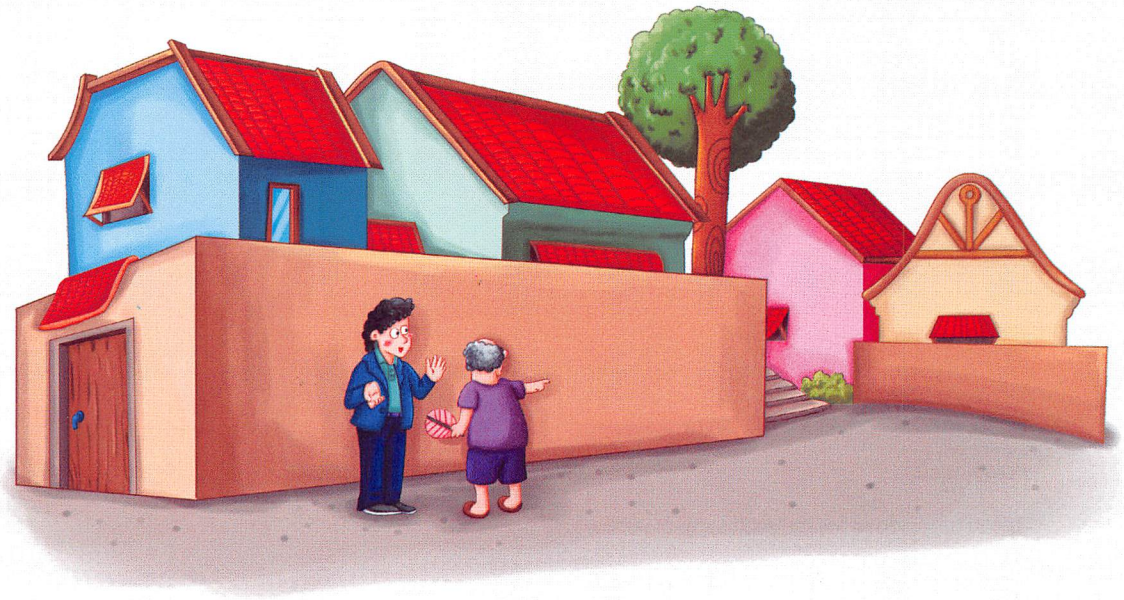
900 CÂU HÁN NGỮ - TẬP 4
Nhân Văn Group

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc
ThS. LÊ THANH HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập
PGS. TS. NGUYỄN KIM HỒNG
Biên tập
VÕ THỊ THU HỒNG
Trình bày bìa:
LÊ THÀNH
Sửa bản in:
VĨNH THUYÊN
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-918-144-3

Liên kết xuất bản:
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA NHÂN VĂN
PHÁT HÀNH TẠI HỆ THỐNG NHÀ SÁCH NHÂN VĂN
* 01 Trường Chinh, P.11, Q. Tân Bình, TP.HCM
Tel: 39481792 – 39481794 Fax: 39481793
* 33 Trương Công Định, P.14 – Q.Tân Bình – TPHCM
Tel: 38491258 Fax: 38490753

In 1000 cuốn khổ 19 x 27 cm tại Cty Cổ Phần In Khuyến Học Phía Nam
Địa chỉ: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 1013-2014/CXB/09-170/ĐHSPTPHCM
Quyết định xuất bản số: 283/QĐ-NXBĐHSP ký ngày 31/12/2014
In xong và nộp lưu chiểu quí I năm 2015.

bù xíng
步行
Đi Bộ



中国人口密度比较大，在大中等城市常常会发生堵车的情况，因此如果去近的地方，中国人往往选择步行，这样既方便又健康。当您走路时，请遵守中国的交通规则：“红灯停、绿灯行”另外要注意，一般要沿着路的右边行走。

Dân số Trung Quốc rất đông, tại các thành phố lớn và vừa thường xuyên xảy ra việc tắc nghẽn giao thông, vì thế khi cần đi đến những nơi gần, người Trung Quốc hay đi bộ, như vậy có thể luyện tập cơ thể. Khi đi ra ngoài đường, bạn nên tuân thủ các nguyên tắc giao thông tại Trung Quốc: "Đèn đỏ dừng, đèn xanh đi", và phải đi dọc theo lề đường.

中国人比较热情，如果您迷路了，可以向路人问路。不过，中国南北方指路的习惯说法不一样。北方人习惯用“东、西、南、北”等方位词，比如说“向北走”、“往西拐”等；南方人习惯用“前、后、左、右”等来指路，比如“往前走”、“向左拐”等。如果您没听明白，没关系，可以麻烦中国人再说一遍。

Người Trung Quốc thường rất nhiệt tình, nếu bạn bị lạc đường, có thể hỏi người dân đi đường khác. Nhưng cách hướng dẫn đường đi của người Trung Quốc tại miền Nam và miền Bắc không giống nhau. Người miền Bắc thường dùng "Đông, Tây, Nam, Bắc" để chỉ dẫn vị trí đường đi, ví dụ "đi theo hướng Bắc", "rẽ hướng Tây"; người miền Nam lại dùng "trước, sau, trái, phải" để chỉ đường, ví dụ "đi thẳng về phía trước", "rẽ trái". Nếu bạn vẫn không hiểu, bạn có thể nhờ người Trung Quốc nói rõ thêm lần nữa.

句型练习
Luyện Tập Câu

qǐng wèn zuì jìn de chē zhàn zěn me zǒu
请问最近的车站怎么走？ Cho hỏi trạm xe buýt gần nhất đi đường nào vậy?

yì zhí wǎng dōng zǒu jiù shì
一直往东走就是。 Đi thẳng theo hướng Đông là được.

nǎ bian shì dōng a
哪边是东啊？ Hướng nào là hướng Đông?

chū le zhè ge lù kǒu xiàng yòu guǎi
出了这个路口向右拐。 Ra khỏi con đường này rồi rẽ phải.

lí zhèr yuǎn ma
离这儿远吗？ Cách chỗ này có xa không?

bú tài yuǎn zǒu jǐ fēn zhōng jiù dào le
不太远，走几分钟就到了。 Không xa lắm, đi vài phút sẽ tới.

dà gài jǐ fēn zhōng ne
大概几分钟呢？ Khoảng mấy phút?

wǔ fēn zhōngzuǒ yòu ba
5分钟左右吧！ Khoảng 5 phút!

qǐng wèn qù cháo yáng gōng yuán zěn me zǒu
请问去朝阳公园怎么走？ Cho hỏi đi đường nào đến công viên Chaoyang?

wǒ xiǎng wèn yí xià gōng shāng yín háng shì zài fù jìn ma
我想问一下，工商银行是在附近吗？ Vui lòng cho hỏi, ngân hàng công thương có ở gần đây không?

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

qǐng wèn zuì jìn de chē zhàn zěn me zǒu
请问最近的车站怎么走？ Cho hỏi **trạm xe buýt** gần nhất đi đường nào vậy?

yín háng	chāo shì	wén jù diàn	yīn xiàng diàn
银行	超市	文具店	音像店
ngân hàng	siêu thị	tiệm văn phòng phẩm	tiệm âm hưởng

2

yì zhí wǎng dōng zǒu jiù shì
一直往东走就是。 Đi thẳng theo hướng **Đông** là được.

xī	nán	běi
西	南	北
Tây	Nam	Bắc

3

chū le zhè ge lù kǒu xiàng yòu guǎi
出了这个路口向右拐。 Ra khỏi con đường này rồi **rẽ phải.**

xiàng dōng zǒu	xiàng zuǒ guǎi	xiàng běi zǒu	xiàng xī zǒu
向东走	向左拐	向北走	向西走
rẽ hướng Đông	rẽ trái	rẽ hướng Bắc	rẽ hướng Tây

4

bú tài yuǎn, zǒu jǐ fēn zhōng jiù dào le
不太远，走几分钟就到了。 Không xa lắm, **đi bộ** vài phút sẽ tới.

qí chē	liū da	kāi chē
骑车	溜达	开车
chạy xe	đi dạo	lái xe

5

dà gài jǐ fēn zhōng ne
大概几分钟呢？ Khoảng **mấy phút?**

duō jiǔ	duō cháng shí jiān	duō yuǎn	duō shǎo mǐ
多久	多长时间	多远	多少米
bao lâu	thời gian bao lâu	bao xa	bao nhiêu mét

6

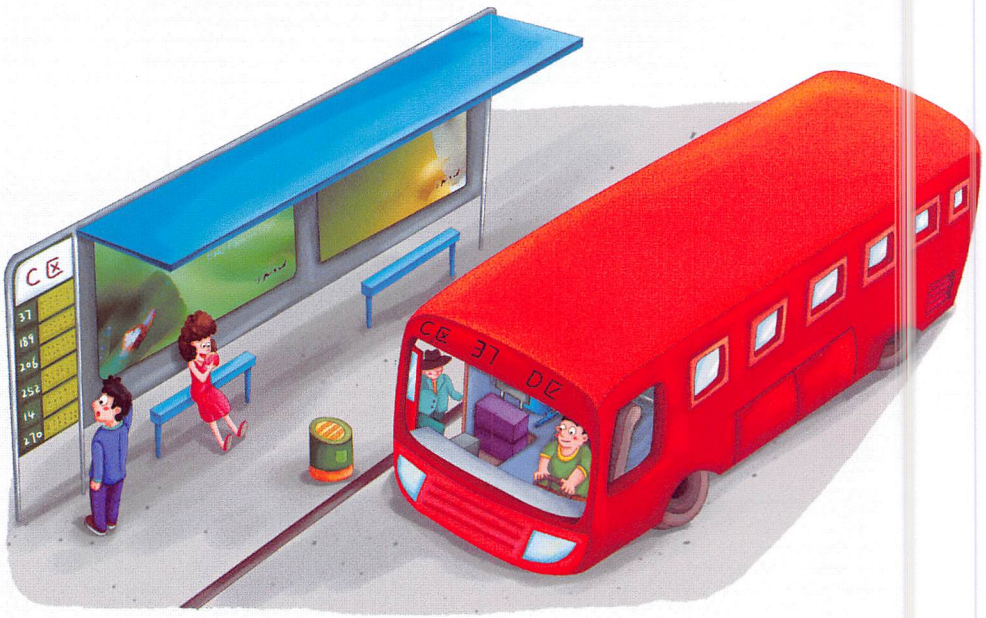
qǐng wèn qù cháoyánggōngyuán zěn me zǒu
请问去朝阳公园怎么走？ Cho hỏi đi đường nào đến **công viên Chaoyang?**

běi jīng zhàn	běi jīng dà xué	tú shū dà shà	yóu jú
北京站	北京大学	图书大厦	邮局
trạm Bắc Kinh	đại học Bắc Kinh	cao ốc thư viện	bưu điện

chéng gōng gòng qì chē

乘公共汽车

Đón Xe Buýt



在中国，公交车是最主要的交通工具之一。城市的公交系统很完备，线路很多，四通八达，坐公交外出很方便。另外普通老百姓一般承担不起购买和维护一辆私家车的费用，因而公交车是人们短途旅行最主要的工具之一。

Tại Trung Quốc, xe công cộng là một trong các phương tiện chủ yếu. Hệ thống giao thông công cộng của thành phố rất hoàn chỉnh, có rất nhiều tuyến, rất tiện lợi. Hơn nữa, người bình dân đa số không thể mua và duy trì phí để có một chiếc xe hơi, vì thế xe công cộng là phương tiện đi lại đối với mọi người.

中国所有的汽车都靠右侧行驶，如果这和您国家的不同，就得注意了。同时，在广州、上海、北京等城市，很多公交车是无人售票的，需要自己投币，因此乘坐公交车，您最好准备一些一块、两块、五毛的零钱。当然，来中国后，您可以办一张交通卡，这样上、下车刷卡就可以了，同时坐地铁时也可以刷卡。最后要注意的是，当您乘车时，要看清方向，避免误坐相反方向的车。

Tất cả xe hơi ở Trung Quốc đều chạy về bên phải, nếu điều này khác với ở quốc gia của bạn thì bạn nên chú ý. Đồng thời, tại các thành phố lớn như Quảng Châu, Thượng Hải, Bắc Kinh ... có nhiều xe công cộng không có nhân viên xét vé, mà tự mình đóng tiền xu, vì thế khi đi xe buýt, bạn nên chuẩn bị trước một số tiền lẻ một yuan, hai yuan, năm mao. Đương nhiên, khi tới Trung Quốc, bạn có thể làm một cái thẻ giao thông, khi xuống xe bạn chỉ cần lướt thẻ qua máy là được, khi đi tàu điện ngầm bạn cũng có thể sử dụng thẻ thanh toán. Điều cần chú ý cuối cùng, khi bạn đón xe, nên xem rõ phương hướng để tránh đón nhầm xe đi ngược hướng.

句型练习
Luyện Tập Câu

qǐng wèn zhè chē dào tiān ān mén ma
请问这车到天安门吗？ Cho hỏi xe này có tới Thiên An Môn không?

nín shàngchē ba
您上车吧。 Bạn lên xe đi.

nín děi dào mǎ lù duì miàn zuò chē
您得到马路对面坐车。 Bạn nên đi qua đường đối diện để đón xe.

gāng shàng chē de chéng kè qǐng shuā kǎ, méi kǎ de chéng kè qǐng mǎi piào
刚上车的乘客请刷卡，没卡的乘客请买票。 Khách vừa lên xe vui lòng lướt thẻ, khách không có thẻ vui lòng mua vé.

nǐ hǎo, wǒ mǎi yì zhāng piào
你好，我买一张票。 Xin chào, tôi muốn mua một vé.

dào tiān ān mén duō shao qián? wǒ méi qù guò tiān ān mén
到天安门多少钱？我没去过天安门。 Đi Thiên An Môn bao nhiêu tiền? Tôi chưa đi Thiên An môn bao giờ.

xià yí zhàn shì xī dān, zài xī dān xià chē de chéng kè qǐng zhǔn bèi
下一站是西单，在西单下车的乘客请准备。 Trạm tiếp theo là Xidan, khách xuống trạm Xidan vui lòng chuẩn bị.

dào de shí hou má fan nín gào su wǒ yì shēng
到的时候麻烦您告诉我一声。 Khi nào tới bạn vui lòng nói tôi biết nhé.

zhè chē bú dào cháo yáng gōng yuán, nín děi dǎo chē
这车不到朝阳公园，您得倒车。 Xe này không đi tới công viên Triều Dương, bạn nên chuyển xe khác.

qǐng wèn zài nǎr dǎo chē
请问在哪儿倒车？ Xin cho hỏi chuyển xe ở đâu?

xià yí zhàn huàn qīsānyī lù qì chē
下一站换731路汽车。 Trạm tiếp theo đón tuyến xe buýt số 731.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1 qǐng wèn zhè chē dào tiān ān mén ma
请问这车到天安门吗？ Cho hỏi xe này có tới **Thiên An Môn** không?

dòng wù yuán 动物园 sở thú	wáng fǔ jǐng 王府井 Vương Tịnh Phủ	cháo yáng lù 朝阳路 đường Chaoyang	běi jīng dà xué 北京大学 Đại học Bắc Kinh

2 nín děi dào mǎ lù duì miàn zuò chē
您得到马路对面坐车。 Bạn nên đi qua **đường đối diện** để đón xe.

nà bian	nán bian	běi bian	nà tou
那边	南边	北边	那头
bên kia	hướng Nam	hướng Tây	đằng kia

3 xià yí zhàn shì xī dān, zài xī dān xià chē de chéng kè qǐng zhǔn bèi
下一站是西单，在西单下车的乘客请准备。
Trạm tiếp theo là **Xidan**, khách xuống trạm **Xidan** vui lòng chuẩn bị.

tiān ān mén dōng	qīng huá dà xué	zhōngguān cūn	guó mào zhōng xīn
天安门东	清华大学	中关村	国贸中心
phía Đông Tiananmen	đại học Qinghua	Zhongguancun	trung tâm mậu dịch quốc gia

4 wǒ méi qù guò tiān ān mén
我没去过天安门。 Tôi chưa đi **Thiên An Môn** bao giờ.

chángchéng	gù gōng	dí shì ní lè yuán	shàng hǎi
长城	故宫	迪士尼乐园	上海
Trường Thành	Hoàng cung	sân chơi Disney	Thượng Hải

5 dào de shí hou má fan nín gào su wǒ yì shēng
到的时候麻烦您告诉我一声。 Khi nào tới bạn vui lòng **nói** tôi biết nhé.

jiào	hǎn	tí xǐng
叫	喊	提醒
gọi	gọi	nhắc nhở

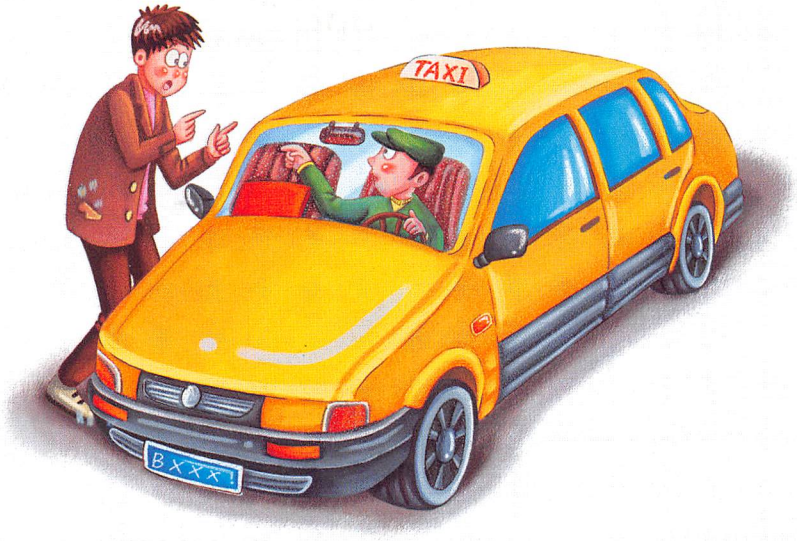
6 xià yí zhàn huàn qīsānyī lù qì chē
下一站换731路汽车。 **Trạm tiếp theo** đón tuyến xe buýt số 731.

běi jīng lù	qīng nián lù	zhōng diǎn zhàn
北京路	青年路	终点站
đường Bắc Kinh	đường Thanh Niên	trạm cuối cùng

chéng chū zū chē

乘出租车

Đón Taxi



在中国乘坐出租车的费用不高，因此，中国人常常一人打车，他们不习惯临时合伙租车这种省钱的方式，街头准备叫出租车的人们，很少会互相问一下目的地，商量可否共用一辆车。

Phí đi xe taxi tại Trung Quốc không cao, vì thế, người Trung Quốc thường đón taxi một mình, họ không quen với việc góp tiền trả phí thuê xe cùng với người khác, những người đón taxi ngoài đường ít ai có chung một địa điểm đến, thương lượng để cùng sử dụng chung một chiếc xe.

在不同的城市，出租车的计价方式也不一样。一般来说，车窗玻璃上都会贴出该城市统一规定的价格，出租车内也有价格显示器。值得注意的是，在机场周围往往有些没有运营资格的车，中国人称它为“黑车”。这种车没有计价器，司机常乱收费，因此请您一定不要乘坐这种黑车。

Tại những thành phố khác nhau, phí thuê xe cũng khác nhau. Thông thường, trên cửa sổ xe taxi đều được dán bảng giá xe thống nhất theo từng khu vực, trong xe cũng có máy hiện giá tiền. Điều đáng chú ý là, tại xung quanh sân bay thường có nhiều xe taxi không hợp quy định, người Trung Quốc gọi đó là "taxi đen". Những xe này không có máy tính tiền, tài xế thường tính tiền tùy ý, vì thế bạn không nên đón những loại xe đen thế này.

同时，司机的英语水平一般都不高，如果您乘坐汽车，可以提前准备好中文地址，当然有的出租车提供同时翻译服务，您可利用车内的无绳电话，与翻译中心联系，这样您、司机和翻译3人可以同时对话。

Đồng thời, trình độ tiếng Anh của những tài xế taxi thường không cao, nếu có đi taxi, có thể chuẩn bị trước các địa chỉ bằng tiếng Hoa, có một số xe taxi cung cấp dịch vụ phiên dịch, bạn có thể sử dụng bộ đàm trong xe và liên lạc với trung tâm phiên dịch, như thế thì bạn, tài xế taxi và trung tâm phiên dịch 3 người có thể đồng thời nói chuyện.

句型练习
Luyện Tập Câu

nín hǎo　　nín qù　　nǎr
您好！ 您去哪儿？ Chào bạn! bạn đi đâu?

shī fu　　wǒ qù běi jīng zhàn
师傅，我去北京站。 Tài xế, tôi muốn đi trạm Bắc Kinh.

wǒ yào gǎn huǒ chē
我要赶火车。 Tôi cần đón xe lửa gấp.

zhè ge dì zhǐ nín zhī dào zěn me zǒu ma
这个地址您知道怎么走吗？ Bạn có biết địa chỉ này đi thế nào không?

hǎo xiàng zài cháo yáng gōng yuán fù jìn
好像在朝阳公园附近。 Hình như ở gần công viên Triều Dương.

chào yáng gōng yuán dào le
朝阳公园到了。 Đến công viên Triều Dương rồi.

jiù zài mén kǒu tíng ba
就在门口停吧！ Dừng tại trước cổng nhé!

nín de chéngchē fèi yòng shì sān shí yī yuán
您的乘车费用是三十一元。 Phí thuê xe của bạn tổng cộng là 31 yuan

gǎn xiè nín de chéngzuò
感谢您的乘坐！ Cám ơn bạn đã đón xe! ("Cám ơn bạn đi taxi của tôi!")

má fan nín néng bu néng zài kāi kuài diǎnr
麻烦您能不能再开快点儿？ Bạn có thể vui lòng lái nhanh hơn được không?

zěn me zhè me dǔ
怎么这么堵…… Sao lại kẹt xe nhiều thế...

zhè ge shí jiān nǎ li dōu dǔ chē
这个时间哪里都堵车。 Giờ này nơi nào cũng kẹt xe.

hái yǒu bié de lù ma
还有别的路吗？ Có thể đi đường khác không?

wǒ men zǒu gāo sù guò qù ba
我们走高速过去吧。 Chúng ta hãy đi đường cao tốc.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

zhè ge dì zhǐ nín zhī dào zěn me zǒu ma
这个地址您知道怎么走吗？ Bạn có biết **địa chỉ** này đi thế nào không?

dì fang	jiǔ bā	fàn diàn	xiǎo qū
地方	酒吧	饭店	小区
nơi	quán bar	nhà hàng	quận

2 hǎo xiàng zài cháo yáng gōng yuán fù jìn
好像在朝阳公园附近。 **Hình như** ở gần công viên Triều Dương.

sì hū	dà gài	kě néng	yīng gāi
似乎	大概	可能	应该
dường như	chắc là	có thể	có lẽ

3 jiù zài mén kǒu tíng ba
就在门口停吧！ Dừng **trước cổng** nhé!

kào lù biān	zài zhèr	zài qián mian	zài páng biān
靠路边	在这儿	在前面	在旁边
đậu bên đường	ở đây	phía trước	kế bên

4 nín de chéng chē fèi yong shì sān shí yī yuán
您的乘车费用是三十一元。 Phí thuê xe của bạn tổng cộng là **31** yuan.

èr shí wǔ	sì shí bā	liù shí èr	wǔ shí sān
二十五	四十八	六十二	五十三
25	48	62	53

5 zhè ge shí jiān nǎ li dōu dǔ chē
这个时间哪里都堵车。 **Giờ này** nơi nào cũng kẹt xe.

shàng bān gāo fēng	xià bān gāo fēng	zǎo shang bā diǎn	xià wǔ liù diǎn
上班高峰	下班高峰	早上8点	下午6点
giờ đi làm cao điểm	giờ tan làm cao điểm	8 giờ sáng	6 giờ chiều

6 wǒ men zǒu gāo sù guò qù ba
我们走高速过去吧。 Chúng ta hãy đi **đường cao tốc.**

fǔ lù	jìn dào	sì huán lù
辅路	近道	四环路
đường bên cạnh	đường tắt	đường 4 làn xe

chéng dì tiě
乘地铁
Đón Tàu Điện Ngầm



中国的地铁始建于1965年。现在，已建成地铁的城市有北京、天津、香港、上海、广州、南京。同时，大连、杭州、成都、西安等城市都在准备建设中。其中，香港地铁最具有人性化，上海地铁管理最严格。

Tàu điện ngầm Trung Quốc được thành lập vào năm 1965. Giờ đây, các thành phố đã cho xây dựng tàu điện ngầm gồm Bắc Kinh, Tianjin, Hong Kong, Thượng Hải, Quảng Châu, Nam Kinh. Đồng thời, Dalian, Hàn Châu, Thành Đô, Tây An cũng chuẩn bị tiến hành xây dựng. Trong đó, trạm tàu điện ngầm Hong Kong là tiện lợi nhất, trạm tàu Thượng Hải được quản lý chặt chẽ nhất.

地铁最大的优点是准时、快捷，人们可以自己控制好时间。坐地铁不用担心会遇到像坐公共汽车那样的堵车情况，因此越来越多的中国人选择它作为主要的交通方式。在北京、上海、广州等大城市，由于人口密度大，因此上、下班高峰期乘坐地铁会比较拥挤，出行时请避开高峰期。坐地铁时，人们可能会看看报纸、杂志或者听听音乐，形成了独特的地铁文化。

Ưu điểm lớn nhất của tàu điện ngầm là đúng giờ, nhanh, mọi người có thể tự sắp xếp thời gian. Đi tàu điện ngầm không phải lo lắng gặp tình trạng kẹt xe như đi các phương tiện giao thông khác, vì thế càng ngày càng nhiều người Trung Quốc lựa chọn đi tàu điện ngầm. Tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, do mật độ dân số đông vì thế vào giờ cao điểm lúc đi làm và tan làm đều rất chật chội, khi đi ra ngoài nên tránh giờ cao điểm. Khi đi tàu điện ngầm, mọi người có thể đọc báo hoặc nghe nhạc, hình thành nên văn hóa độc đáo của tàu điện ngầm.

句型练习
Luyện Tập Câu

nǐ hǎo qǐng wèn wǒ dào tōng zhōu běi yuàn
你好！请问我到通州北苑
yīng gāi mǎi shén me piào
应该买什么票？

Chào bạn! cho hỏi tôi đi TongZhou Beiyuan phải mua vé thế nào?

běi jīng dì tiě shì liǎng yuán tōng piào
北京地铁是两元通票。

Tàu điện ngầm Bắc Kinh 2 yuan 1 vé.

xū yào huàn chéng ma
需要换乘吗？

Bạn có cần đổi chuyến không?

dì tiě yī hào xiàn shǒu fā chē jǐ diǎn
地铁一号线首发车几点？

Tàu điện tuyến số 1 mấy giờ khởi hành?

nǐ tīng guǎng bō huì yǒu jiè shào de
你听广播，会有介绍的。

Bạn nghe đài phát thanh nhé, họ sẽ giới thiệu cho bạn biết.

chéng kè nín hǎo huān yíng nín chéngzuò dì tiě liè chē
乘客您好，欢迎您乘坐地铁列车。

Xin chào quý khách, chào mừng bạn đón tàu điện ngầm.

xiàn zài wèi nín bō bào yī hào xiàn dì tiě shǒu mò chē shí jiān
现在为您播报一号线地铁首末车时间。

Bây giờ chúng tôi sẽ thông báo thời gian khởi hành và kết thúc tuyến tàu điện ngầm số 1.

běi jīng dì tiě méi yǒu guǎngzhōu dì tiě fāng biàn
北京地铁没有广州地铁方便。

Tàu điện Bắc Kinh không tiện lợi bằng tàu điện Quảng Châu.

tīng shuōshàng hǎi de dì tiě yě hěn fā dá
听说上海的地铁也很发达。

Nghe nói tàu điện Thượng Hải rất phát triển.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

nǐ hǎo qǐng wèn wǒ dào tōng zhōu běi yuàn yīng gāi mǎi shén me piào
你好！请问我到通州北苑应该买什么票？

Chào bạn! cho hỏi tôi đi **Tong Zhou Beiyuan** phải mua vé thế nào?

tiān ān mén	wǔ dào kǒu	píng guǒ yuán	jūn shì bó wù guǎn
天安门	五道口	苹果园	军事博物馆
Thiên An Môn	Wudaokou	Pingguoyuan	bảo tàng quân sự

2

dì tiě yī hào xiàn shǒu fā chē jǐ diǎn
地铁一号线首发车几点？ **Tàu điện tuyến số 1** mấy giờ khởi hành?

dì tiě bā hào xiàn 地铁八号线	chéng tiě shísān hào xiàn 城铁13号线	dì tiě wǔ hào xiàn 地铁5号线
tàu điện tuyến số 8	tàu điện tuyến số 13	tàu điện tuyến số 5

3

běi jīng dì tiě méi yǒu guǎng zhōu dì tiě fāng biàn
北京地铁没有广州地铁方便。

Tàu điện Bắc Kinh không **tiện lợi** bằng tàu điện Quảng Châu.

shí shàng 时尚	fā dá 发达	wán bèi 完备	shōu fèi gāo 收费高
hiện đại	phát đạt	hoàn chỉnh	thu phí cao

chéng huǒ chē
乘火车
Đón Xe Lửa



中国幅员辽阔，火车是中国人不可缺少的交通工具。中国的火车已经过多次大提速，在第六次大提速后，火车时速可达每小时200公里至250公里。目前最快的是动车组火车，如果您有机会，一定要亲自乘坐一下。

Trung Quốc là một quốc gia có đất đai rộng lớn, xe lửa là một phương tiện giao thông không thể thiếu đối với người Trung Quốc. Xe lửa của Trung Quốc đã trải qua rất nhiều lần nâng cấp, tại lần nâng cấp thứ 6, tốc độ xe lửa có thể đạt 200 tới 250 km mỗi giờ. Hiện tại ở Trung Quốc nhanh nhất là xe lửa Dongli, nếu bạn có dịp, bạn nên đón xe lửa một chuyến.

中国大城市的火车站往往不只一个，如北京的火车站共有四个：北京站、北京西站、北京南站和北京北站，这四个站分别在不同的地方，所以您在坐火车前，要弄清楚您要乘坐的火车在哪一个火车站。

Trạm xe lửa tại các thành phố lớn của Trung Quốc không chỉ có 1 trạm, Bắc Kinh có 4 trạm xe lửa: trạm Bắc Kinh, trạm phía tây Bắc Kinh, trạm phía nam Bắc Kinh, trạm phía bắc Bắc Kinh, 4 trạm này ở 4 nơi khác nhau, cho nên trước khi bạn đi xe lửa, nên chú ý xe lửa mà bạn cần đi nằm ở trạm nào.

同时，您要注意各列火车的速度并不一样。火车速度的快慢，可以在车次上反映出来。以“T”开头的是特快车，以“Z”开头的是直达快速车，以“K”开头的是空调快速车，没有字母开头的是慢车。

Đồng thời, bạn cần chú ý tốc độ của các loại xe lửa không giống nhau. Tốc độ nhanh chậm của xe lửa thể hiện qua số lần xe chạy. Xe lửa tốc độ nhanh kí hiệu bắt đầu bằng chữ "T",

chữ "Z" là xe lửa nhanh trực tuyến, chữ "K" là xe lửa nhanh có điều hòa, không có chữ nào kí hiệu thì đó là xe lửa chậm.

句型练习
Luyện Tập Câu

yǒu méi yǒu yī hào dào guǎngzhōu de zhí dá
有没有1号到广州的直达
wò pù piào
卧铺票？

Có vé giường nằm của xe trực tuyến số 1 tới Quảng Châu không?

zhí dá chē de wò pù piào mài guāng le
直达车的卧铺票卖光了，
yìng zuò yào ma
硬座要吗？

Vé giường nằm của xe trực tuyến đã bán hết, ghế ngồi được không?

nǐ zì jǐ qù lǚ xíng yào xiǎo xīn diǎnr
你自己去旅行要小心点儿
a
啊！

Bạn đi du lịch một mình phải cẩn thận nhé!

yào kān hǎo xíng li
要看好行李。

Phải để ý hành lý.

wǒ huì zhào gù hǎo zì jǐ de
我会照顾好自己的。

Tôi sẽ tự chăm sóc mình.

wǒ dào le guǎngzhōu jiù gěi nǐ men
我到了广州就给你们
dǎ diàn huà
打电话。

Tôi đến Quảng Châu sẽ gọi điện cho bạn.

huǒ chē jiù yào kāi le nǐ men kuài
火车就要开了，你们快
xià qu ba
下去吧。

Xe lửa sắp khởi hành rồi, bạn xuống xe mau lên.

qǐng wèn cān chē zài jǐ hào chē xiāng
请问餐车在几号车厢？

Cho hỏi ăn tối ở toa xe số mấy?

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

yǒu méi yǒu yī hào dào guǎng zhōu de zhí dá wò pù piào
有没有1号到广州的直达卧铺票？

Có vé giường nằm của **xe trực tuyến** số 1 tới Quảng Châu không?

tè kuài yìng wò 特快硬卧 xe giường nằm cứng tốc độ cao	tè kuài yìng zuò 特快硬座 xe chỗ ngồi cứng tốc độ cao	dòng chē zǔ wò pù 动车组卧铺 xe giường nằm tốc độ cao

2

zhí dá chē de wò pù piào mài guāng le, yìng zuò yào ma?
直达车的卧铺票卖光了，硬座要吗？

Vé **giường nằm** của xe trực tuyến đã bán hết, ghế ngồi được không?

yìng wò 硬卧 giường cứng	ruǎn wò 软卧 giường mềm	ruǎn zuò 软座 chỗ ngồi nệm

3

nǐ zì jǐ qù lǚ xíng yào xiǎo xīn diǎnr a!
你自己去旅行要小心点儿啊！ Bạn đi **du lịch** một mình phải cẩn thận nhé!

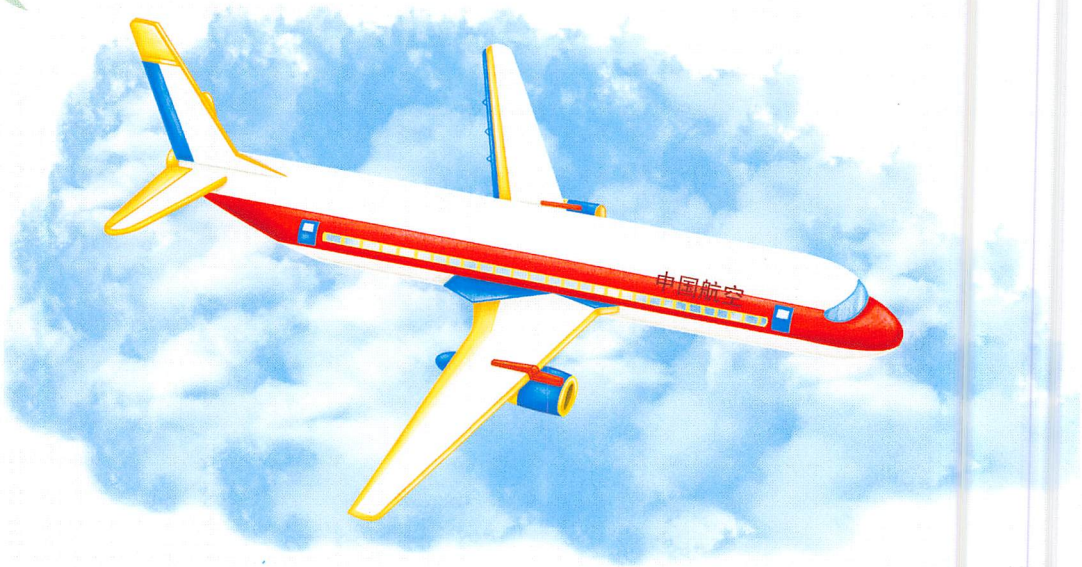
pá shān 爬山 leo núi	hǎi biān 海边 đi biển	tàn xiǎn 探险 thám hiểm	jiāo yóu 郊游 du ngoạn

4

wǒ dào le guǎng zhōu jiù gěi nǐ men dǎ diàn huà.
我到了广州就给你们打电话。 Tôi đến **Quảng Châu** sẽ gọi điện cho bạn.

nà biān 那边 bên kia	jiǔ diàn 酒店 khách sạn	péng you jiā 朋友家 nhà của bạn	xué xiào 学校 trường học

chéng fēi jī
乘飞机
Đáp Máy Bay



中国的航空公司开通的航班在不断增加，几乎可以到达全国各地乃至世界各地。其中，中国东方航空公司、中国国际航空公司和中国南方航空公司等航空公司是很出名的，很值得信赖。

Các tuyến bay của các hãng hàng không Trung Quốc gia tăng liên tục, gần như các nơi trong nước và nước ngoài đều có tuyến bay. Trong đó hãng hàng không Đông Phương Trung Quốc, hãng hàng không Quốc tế Trung Quốc và hãng hàng không Đông Phương Trung Quốc là các công ty hàng không nổi tiếng, có thể tin tưởng.

您可以打电话或者网上订购飞机票。如果您已经确定了时间，最好提前几个月订票，这样会有适当的折扣。机票折扣是各航空公司为了确保上座率，自己制定的，有的特价机票在旅游淡季甚至能够低至两折。

Bạn có thể gọi điện thoại hoặc đặt mua vé trên mạng. Nếu bạn đã xác định thời gian, tốt nhất đặt vé trước vài tháng, như vậy sẽ có giá khuyến mãi. Giá vé máy bay khuyến mãi là do các công ty hàng không tự ấn định để đảm bảo số lượng hành khách, vào mùa ế của mùa du lịch, giá vé máy bay có thể giảm đến 20%.

值得一提的是，您要注意时间，因为航空公司规定航班起飞前30分钟停止办理登机手续，所以您最好在起飞前1个小时到机场。

Điều đáng nói là, bạn nên chú ý thời gian, tại vì các hãng hàng không quy định bạn phải làm thủ tục lên máy bay trước 30 phút, cho nên bạn nên tới sân bay 1 tiếng đồng hồ trước giờ máy bay cất cánh.

句型练习
Luyện Tập Câu

wǒ xiǎng dìng qī hào běi jīng dào niǔ yuē de wǎng fǎn piào
我想订7号北京到纽约的往返票。
Tôi muốn đặt vé khứ hồi từ Bắc Kinh tới New York vào ngày 7.

xiàn zài yǒu tè jià jī piào ma
现在有特价机票吗？
Hiện tại có vé khuyến mãi không?

tè jià jī piào bù dé gǎi qiān zhuǎn ràng
特价机票不得改签、转让。
Các loại vé khuyến mãi không thể chuyển nhượng.

xiàn zài zuì dī shì jǐ zhé
现在最低是几折？
Hiện tại giảm giá nhiều nhất là bao nhiêu?

qǐng dào guì tái bàn lǐ dēng jī shǒu xù
请到柜台办理登机手续。
Mời đến bàn làm thủ tục lên máy bay.

qǐng chū shì nín de shēn fèn zhèngjiàn
请出示您的身份证件。
Xin cho xem chứng minh nhân dân của bạn.

xiān sheng nín de shǒu tí xíng li xū yào tuō yùn
先生，您的手提行李需要托运。
Chào ông, túi xách tay của ông nên gửi.

nín de xíng li chāo zhòng le xū yào jiā shōu tuō yùn fèi
您的行李超重了，需要加收托运费。
Hành lí của bạn vượt quá trọng lượng rồi, cần phải đóng thêm phí vận chuyển.

kě yǐ gěi wǒ yí ge kào qián yì xiē de wèi zi ma
可以给我一个靠前一些的位子吗？
Có thể cho tôi một chỗ ngồi gần phía trước được không?

zuò hòu mian wǒ huì tóu yūn ěr míng
坐后面我会头晕耳鸣。
Ngồi phía sau tôi sẽ bị nhức đầu và ù tai.

qǐng nín ná hǎo dēng jī pái, zài 8 hào dēng jī kǒu dēng jī
请您拿好登机牌，在8号登机口登机。
Bạn vui lòng giữ trên tay thẻ máy bay, lên máy bay tại cổng số 8.

huān yíng nín chéngzuò zhōngguó háng kōng, yù zhù nín lǚ tú yú kuài
欢迎您乘坐中国航空，预祝您旅途愉快！
Chào mừng bạn đến với hãng hàng không Trung Quốc, chúc bạn có chuyến đi vui vẻ!

xiān sheng qǐng wèn nín yào hē diǎnr shén me
先生，请问您要喝点儿什么？
Chào ông, ông có muốn uống chút gì không?

wǒ yào bēi kā fēi, xiè xie
我要杯咖啡，谢谢！
Tôi muốn một ly cà phê, cám ơn!

wǒ de xíng li zhǎo bú dào le
我的行李找不到了。
Tôi tìm không thấy hành lý của tôi.

wǒ néng kàn yí xià nín de xíng li piào ma
我能看一下您的行李票吗？
Tôi có thể xem qua thẻ hành lý của bạn không?

nín bié zháo jí wǒ men zhǎo dào nín de
您别着急，我们找到您的
xíng li huì mǎ shàng hé nín lián xì
行李会马上和您联系。

Bạn đừng lo lắng, chúng tôi tìm thấy hành lý của bạn sẽ liên lạc với bạn ngay.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ xiǎng dìng qī hào běi jīng dào niǔ yuē de wǎng fǎn piào
我想订7号北京到纽约的往返票。

Tôi muốn đặt vé khứ hồi từ **Bắc Kinh** tới **New York** vào ngày 7.

běi jīng – dōng jīng	běi jīng – shǒu ěr	guǎng zhōu – xiāng gǎng	shàng hǎi – dà lián
北京 – 东京	北京 – 首尔	广州 – 香港	上海 – 大连
Bắc Kinh – Tokyo	Bắc Kinh – Seoul	Quảng Châu – Hồng Kông	Thượng Hải - Đại Liên

2

xiàn zài yǒu tè jià jī piào ma
现在有特价机票吗？ Hiện tại có vé **khuyến mãi** không?

dǎ zhé	tuán duì	xué sheng
打折	团队	学生
giảm giá	đoàn	học sinh

3

qǐng nín ná hǎo dēng jī pái zài bā hào dēng jī kǒu dēng jī
请您拿好登机牌，在8号登机口登机。

Bạn vui lòng giữ trên tay thẻ máy bay, lên máy bay tại cổng **số 8**.

shíyī hào	sān hào	jiǔ hào	shíwǔ hào
11号	3号	9号	15号
số 11	số 3	số 9	số 15

4

huān yíng nín chéng zuò zhōng guó háng kōng yù zhù nín lǚ tú yú kuài
欢迎您乘坐中国航空，预祝您旅途愉快！

Chào mừng bạn đến với hãng **hàng không Trung Quốc**, chúc bạn có chuyến đi vui vẻ!

dōng fāng háng kōng	nán fāng háng kōng	dà hán háng kōng	hǎi nán háng kōng
东方航空	南方航空	大韩航空	海南航空
hàng không Đông Phương	hàng không Nam Phương	hàng không Đại Hàn	hàng không Hải Nam

5

wǒ yào bēi kā fēi xiè xie
我要杯咖啡，谢谢！ Tôi muốn một ly **cà phê**, cám ơn!

niú nǎi	kuàng quán shuǐ	chéng zhī	fān qié zhī
牛奶	矿泉水	橙汁	番茄汁
sữa bò	nước khoáng	nước ép cam	nước ép cà chua

zì jià chē
自驾车
Tự Lái Xe



最近几年，越来越多的中国人喜欢“明明白白地消费，开开心心地旅游”。他们觉得报团旅行不太自由，于是很多人自己或召集亲朋好友一起驾驶私家车去各地旅游。

Nhiều năm gần đây, càng ngày càng nhiều người Trung Quốc thích "chi tiêu một cách rõ ràng, du lịch một cách vui vẻ".

如果您来到中国，想自己驾驶汽车出游，而又不想在中国买车的话，那么您不用着急。因为各大城市的旅游服务公司一般会提供租车服务，您可以租赁他们的汽车。一般来说，四川、云南、山东等地适合自驾游，而西藏、新疆等地路况不太好，自驾游的话要仔细考察路线，注意安全。

Nếu bạn tới Trung Quốc, muốn tự lái xe đi du lịch nhưng lại không muốn mua xe tại Trung Quốc, thì bạn không cần lo lắng. Vì đa số các công ty du lịch tại các thành phố lớn trong nước đều có dịch vụ cho thuê xe, bạn có thể thuê xe của họ. Thông thường, các nơi như Tứ Xuyên, Vân Nam, Sơn Đông thích hợp cho việc tự lái xe, còn các nơi như Tây Tạng, Tân Cương đường đi không được tốt lắm, nếu tự lái xe cần phải quan sát cẩn thận đường đi, chú ý an toàn.

尽管现在的加油站随处可见，但有些比较偏僻的地方还是不太方便，所以您在出发前，要尽可能多地准备些必需用品。

Dù hiện giờ có thể thấy được các trạm xăng ở khắp nơi, nhưng vẫn có một số nơi hẻo lánh không có thuận tiện, vì thế trước khi bạn xuất phát nên chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết.

句型练习
Luyện Tập Câu

wǒ men kāi chē qù běi jīng jiāo wài wánr ba
我们开车去北京郊外玩儿吧！

Chúng ta lái xe đi du ngoạn Bắc Kinh chơi nhé!

bù zhī dào zhōu mò tiān qì zěn me yàng
不知道周末天气怎么样。

Không biết cuối tuần thời tiết như thế nào.

zuì jìn zǒng shì xià yǔ
最近总是下雨。

Gần đây cứ trời mưa.

tiān qì yù bào shuō zhè ge zhōu mò shì qíng tiān
天气预报说这个周末是晴天。

Dự báo thời tiết nói cuối tuần này trời nắng.

dàn yuàn shì ge hǎo tiān qì
但愿是个好天气。

Hi vọng là trời tốt.

wǒ men dài shàng sǎn jiù méi wèn tí le
我们带上伞就没问题了。

Chúng ta mang theo dù là ổn thôi.

xià yǔ lù huá, bù hǎo kāi chē
下雨路滑，不好开车。

Trời mưa đường trơn, không nên lái xe.

wǒ men shén me shí hou chū fā
我们什么时候出发？

Khi nào chúng ta khởi hành?

xīng qī liù zǎo shang bā diǎn zài tíng chē chǎng jiàn
星期六早上 8 点在停车场见。

Sáng thứ bảy 8 giờ gặp nhau ở bãi đậu xe nhé.

qiū tiān de jǐng sè zhēn měi
秋天的景色真美！

Cảnh mùa thu thật đẹp!

chē kuài méi yóu le
车快没油了。

Xe sắp hết xăng rồi.

kàn yí xià dì tú, kàn wǒ men lí jiā yóu zhàn hái yǒu duō yuǎn
看一下地图，看我们离加油站还有多远。

Nhìn bản đồ, xem chúng ta còn cách trạm xăng bao xa.

tiān hēi xià lái le
天黑下来了。

Trời bắt đầu tối rồi.

zhǎo bú dào jiā yóu zhàn jiù má fan le
找不到加油站就麻烦了。

Tìm không thấy trạm xăng thì phiền lắm.

dōu guài wǒ méi tí xǐng nǐ jiā mǎn yóu
都怪我没提醒你加满油。

Đó là lỗi tại tôi không nhắc nhở bạn đổ đầy xăng.

zán men jīn wǎn zài qì chē lǚ guǎn zhù yì xiū ba
咱们今晚在汽车旅馆住一宿吧！

Tối nay chúng ta ở một đêm tại khách sạn dành cho khách đi ôtô nhé!

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ men kāi chē qù běi jīng jiāo wài wán ér ba
我们开车去北京郊外玩儿吧！

Chúng ta lái xe đi du ngoạn **Bắc Kinh** chơi nhé!

chángchéng	fēng jǐng qū	tiān jīn	shuǐ kù
长城	风景区	天津	水库
Trường Thành	khu vực phong cảnh	Thiên Tân	bể chứa nước

2

bù zhī dào zhōu mò tiān qì zěn me yàng
不知道周末天气怎么样。 Không biết **cuối tuần** thời tiết thế nào.

míng tiān	niǔ yuē	xīng qī liù	guǎngzhōu
明天	纽约	星期六	广州
ngày mai	New York	thứ bảy	Quảng Châu

3

zuì jìn zǒng shì xià yǔ
最近总是下雨。 Gần đây cứ **trời mưa.**

yīn tiān	qǐ wù	guā dà fēng	guā shā chén bào
阴天	起雾	刮大风	刮沙尘暴
âm u	sương mù	nhiều gió	bão gió cát

4

dàn yuàn shì ge hǎo tiān qì
但愿是个好天气。 **Hi vọng** là trời tốt.

xī wàng	qí dǎo	yí dìng huì
希望	祈祷	一定会
mong	cầu nguyện	chắc chắn sẽ

5

xīng qī liù zǎo shang bā diǎn zài tíng chē chǎng jiàn
星期六早上 8 点在停车场见。

Sáng thứ bảy 8 giờ gặp nhau ở **bãi đậu xe** nhé.

xiǎo qū mén kǒu	lóu xià	cháng chéng	nǐ jiā
小区门口	楼下	长城	你家
trước cổng khu vực	lầu dưới	Trường Thành	nhà của bạn

6

qiū tiān de jǐng sè zhēn měi
秋天的景色真美！ Cảnh **mùa thu** thật đẹp!

chūn tiān	xià tiān	dōng tiān	chuāng wài
春天	夏天	冬天	窗外
mùa xuân	mùa hè	mùa đông	ngoài cửa sổ

7

kàn yí xià dì tú, kàn wǒ men lí jiā yóu zhàn hái yǒu duō yuǎn
看一下地图，看我们离加油站还有多远。

Nhìn bản đồ, xem chúng ta còn cách **trạm xăng** bao xa.

lǚ guǎn	fēng jǐng qū	cháng chéng	gāo sù chū kǒu
旅馆	风景区	长城	高速出口
khách sạn	khu phong cảnh	Trường Thành	lối ra đường cao tốc

8

zhǎo bú dào jiā yóu zhàn jiù má fan le
找不到加油站就麻烦了。

Tìm không thấy **trạm xăng** thì phiền lắm.

lǚ guǎn	tā	wén jiàn	jiè kǒu
旅馆	他	文件	借口
khách sạn	anh ấy	văn kiện	lý do

9

zán men jīn wǎn zài qì chē lǚ guǎn zhù yì xiǔ ba
咱们今晚在汽车旅馆住一宿吧！

Tối nay chúng ta ở lại **khách sạn** một đêm nhé!

zhàng peng li	nóng jiā xiǎo yuàn	cháng chéng jiǎo xià	běi jīng fàn diàn
帐篷里	农家小院	长城脚下	北京饭店
trong lều	nhà nông dân	dưới chân Trường Thành	khách sạn Bắc Kinh

lǚ xíng shè

旅行社

Công Ty Du Lịch



中国有着雄伟壮丽的锦绣河山，也有着丰富悠久的文化传统。如果您到中国一定要去参观一下长城、故宫和秦始皇兵马俑等名胜古迹，感受一下中国文化的魅力。

Trung Quốc có nhiều sông núi hùng vĩ và tuyệt đẹp, có cả văn hóa truyền thống phong phú lâu đời. Nếu bạn tới Trung Quốc nhất định phải tới tham quan các địa danh cổ như Trường Thành, Cung Điện Và Binh Mã Dũng của Tần Thủy Hoàng, để cảm nhận sự thu hút của văn hóa Trung Quốc.

长城是“世界七大奇迹”之一，是中国修建时间最长、工程量最大的一项古代防御工程，它绵延万里，颇为壮观。北京故宫又称紫禁城，是明清两朝24代皇帝的宫殿，也是中国现存最完整的宫殿群体。兵马俑是中国第一个封建皇帝秦始皇的皇陵，修建了36年之久，是一座雄伟的地下皇宫。

Trường Thành là một trong "7 kì quan Thế giới", là một công trình kiến trúc cổ lâu đời nhất, công trình lớn nhất của Trung Quốc, nó dài 10.000 km. Hoàng cung Bắc Kinh còn được gọi là Tử Cấm Thành, là cung điện của 24 đời vua ở triều Minh và Thanh, cũng là cung điện được bảo tồn hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc cho đến nay. Binh Mã Dũng là lăng mộ của Tần Thủy Hoàng – nhà vua phong kiến đầu tiên của Trung Quốc, xây dựng trong 36 năm, là một cung điện hùng vĩ dưới lòng đất.

除此之外，还有丝绸之路、锦绣江南等美景，您可以跟着旅行社到各处游览，导游会给您详细的介绍，同时也可以减少独自游走的盲目性。

Ngoài ra, còn có đường lụa tơ tằm, tranh thêu các thắng cảnh đẹp như Giang Nam, bạn có thể theo các chương trình tham quan của các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch sẽ giới thiệu chi tiết cho bạn, đồng thời bạn có thể tránh việc mơ hồ khi tự du lịch một mình.



句型练习
Luyện Tập Câu

yǒu méi yǒu qù hǎi nán de xiàn lù
有没有去海南的线路？ Có chuyến du lịch nào đi Hải Nam không?

wǒ xiǎng kàn kan xíng chéng ān pái
我想看看行程安排。 Tôi muốn xem lịch trình du lịch.

wǒ men yǒu hǎo duō tiáo jīng pǐn xiàn lù gōng nín xuǎn zé
我们有好多条精品线路供您选择。 Chúng tôi có rất nhiều chuyến đi hấp dẫn cho bạn lựa chọn.

wǒ xiǎng zhù wǔ xīng jí jiǔ diàn
我想住五星级酒店。 Tôi muốn ở khách sạn năm sao.

sān xīng jí dào wǔ xīng jí jiǔ diàn nín dōu kě yǐ xuǎn zé
三星级到五星级酒店您都可以选择。 Bạn có thể chọn lựa khách sạn 3 sao tới 5 sao.

wǒ xiǎng cān jiā wú gòu wù chún wán tuán
我想参加无购物纯玩团。 Tôi muốn tham gia đoàn không mua sắm.

wǒ men bù xiǎng xíng chéng ān pái de tài jǐn
我们不想 行 程安排得太紧。 Chúng tôi không muốn sắp xếp lịch trình quá kín.

nín kàn zhè tiáo sānqiānliùbǎibāshíbā yuán de xiàn lù kě yǐ ma
您看这条3688 元的线路可以吗？ Bạn xem chuyến giá 3688 yuan này có được không?

wǒ xiàn zài hái bù néng què dìng
我现在还不能确定。 Bây giờ tôi vẫn chưa quyết định được.

wǒ děi xiān huí qù gēn wǒ xiān sheng shāng liang shāng liang
我得先回去跟我先生 商 量商 量。 Tôi cần về nhà thương lượng với chồng tôi.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

yǒu méi yǒu qù hǎi nán de xiàn lù
有没有去海南的线路？ Có chuyến du lịch nào đi **Hải Nam** không?

yún nán	xī zàng	tài guó	fǎ guó
云南	西藏	泰国	法国
Vân Nam	Tây Tạng	Thái Lan	Pháp

2

wǒ xiǎng qù wǔ xīng jí jiǔ diàn
我想去五星级酒店。 Tôi muốn ở khách sạn **năm sao**.

sān xīng jí	hǎi biān	bié shù shì
三星级	海边	别墅式
ba sao	ven biển	dạng biệt thự

3

wǒ xiǎng cān jiā wú gòu wù chún wán tuán
我想参加无购物纯玩团。 Tôi muốn tham gia **đoàn không mua sắm**.

jīng pǐn tuán	chāo zhí yóu wán tuán	xiū xián hǎi dǎi yóu
精品团	超值游玩团	休闲海岛游
đoàn quà lưu niệm	đoàn du lịch siêu rẻ	du lịch nghỉ dưỡng tại đảo

4

wǒ děi xiān huí qù gēn wǒ xiān shengshāng liang shāng liang
我得先回去跟我先生商量商量。

Tôi cần về nhà thương lượng với **chồng** tôi.

ài ren	tài tai	fù mǔ	hái zi
爱人	太太	父母	孩子
người yêu	vợ	cha mẹ	con cái

yóu jú
邮局
Bưu Điện



如果您给中国人寄信，要注意中文信封的书写格式与英文信封的书写格式不同。中文信封左上角写收信人地址、单位，中间写收信人姓名，右下角写寄信人地址、邮编。收信人地址和寄信人地址，都是从大地方写到小地方，顺序为：中国，省市，区，路，街道，小区，门牌号。

Nếu bạn gửi thư cho người Trung Quốc, cần phải chú ý đến sự khác nhau giữa cách thức viết bìa thư tiếng Hoa và cách viết tiếng Anh. Góc trên bên trái của bìa thư tiếng Hoa viết địa chỉ, cơ quan của người nhận, ở giữa viết tên người nhận, góc phải bên dưới viết địa chỉ, mã thư của người gửi. Địa chỉ của người gửi và người nhận đều viết theo thứ tự khu vực lớn tới nhỏ, như: Trung Quốc, tỉnh, thành phố, quận, đường, phường, số nhà.

寄包裹的地址写法和寄信的一样。在中国，包裹邮资一般由外包装箱费、挂号费、实际邮资、保价等几个部分构成。其中，包裹的实际邮资大致由四个方面来决定：距离、重量、尺寸、速度。如果您要从中国往国外寄包裹，可以选择海运、陆运或空运。其中海运比较便宜，但比较慢；空运最快最贵，如果你有紧急的文件等，可以选择空运。

Gửi kiện hàng và gửi thư đều có chung một cách viết. Tại Trung Quốc, chi phí kiện hàng thường bao gồm phí gói hàng, phí đóng mã số, phí thực, phí bảo hiểm. Trong đó, phí gói hàng thường bao gồm 4 chi phí qui định khác nhau: khoảng cách, trọng lượng, độ lớn, tốc độ. Nếu như bạn gửi kiện hàng từ Trung Quốc đến nước ngoài, có thể lựa chọn vận chuyển đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không. Trong đó, vận chuyển đường biển chi phí rẻ hơn, nhưng lại chậm hơn; vận chuyển hàng không là nhanh nhất, nếu bạn có văn kiện gấp, có thể lựa chọn vận chuyển đường hàng không.

句型练习
Luyện Tập Câu

wǒ xiǎng jì bāo guǒ
我想寄包裹。 Tôi muốn gửi kiện hàng.

jì dào měi guó
寄到美国。 Gửi đến nước Mỹ.

yào duō cháng shí jiān cái dào
要多长时间才到？ Bao lâu mới tới?

pǔ tōng bāo guǒ yī zhì sān ge yuè zuǒ yòu
普通包裹1—3个月左右， Kiện hàng bình thường khoảng 1-3 tháng,

háng kōng de liǎng ge xīng qī EMS zhǐ
航空的两个星期，EMS只 hàng không khoảng 2 tuần, EMS chỉ cần

yào sān tiān jiù néng dào
要3天就能到。 3 ngày là tới nơi.

háng kōng de duō shao qián
航空的多少钱？ Gửi hàng không bao nhiêu tiền?

qǐng nín gěi wǒ yì zhāng háng kōng bāo guǒ dān
请您给我一张航空包裹单。 Bạn vui lòng cho tôi một tờ đơn gửi hàng không.

xiān qù nà bian mǎi ge zhǐ xiāng bǎ dōng xi
先去那边买个纸箱把东西 Đầu tiên đi lại đằng kia mua một cái hộp giấy

zhuāng qǐ lái
装起来。 bỏ hàng vào trước.

bì xū yào yòng yóu zhèng bāo guǒ xiāng ma
必须要用邮政包裹箱吗？ Bắt buộc sử dụng hộp giấy của bưu điện không?

rú guǒ shōu jiàn rén shōu bu dào zěn me bàn
如果收件人收不到怎么办？ Nếu người nhận không nhận được thì phải làm sao?

kě yǐ xuǎn zé xiāo huǐ huò shì tuì huán gěi
可以选择销毁或是退还给 Có thể lựa chọn hủy hoặc gửi trả

jì jiàn rén
寄件人。 người gửi.

nǐ wàng le xiě lián xì rén diàn huà
你忘了写联系人电话。 Bạn quên ghi số điện thoại của người liên hệ.

替换练习
Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ xiǎng jì bāo guǒ
我想寄包裹。 Tôi muốn gửi **kiện hàng.**

míng xìn piàn 明信片 bưu thiếp	háng kōng xìn 航空信 thư hàng không	kuài jiàn 快件 kiện hàng nhanh	tè kuài zhuān dì 特快专递 chuyển phát nhanh

2 jì dào měi guó
寄到美国。 Gửi đến **Mỹ**.

hán guó	rì běn	fǎ guó	dé guó
韩国	日本	法国	德国
Hàn Quốc	Nhật Bản	Pháp	Đức

3 háng kōng de duō shao qián
航空的多少钱？ Gửi **hàng không** bao nhiêu tiền?

pǔ tōng	tè kuài	jiā jí
普通	特快	加急
bình thường	nhanh	khẩn cấp

4 nǐ wàng le xiě lián xì rén diàn huà
你忘了写联系人电话。 Bạn quên ghi **số điện thoại** của người liên hệ.

yóu biān	shōu jiàn rén xìng míng	jì jiàn rén dì zhǐ
邮编	收件人姓名	寄件人地址
mã thư	tên người nhận	địa chỉ người gửi

iPen BÚT THẦN ĐỒNG

PHÁT TRIỂN TỐT TRÍ NÃO SẼ CÓ LỢI CHO GIÁO DỤC TỪ SỚM !

Tặng 16 Quyển sách + Sổ tay Giáo dục từ sớm



50% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRƯỚC 4 TUỔI

30% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 4 – 8 TUỔI

20% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 8 – 17 TUỔI

Tính cần thiết của việc giáo dục từ sớm cho trẻ

1. **Giáo dục từ sớm là cần thiết:** Khoa học chứng minh rằng, ở độ tuổi 0 – 6 trí não của bé bắt đầu khai phá, là bước ngoặt quan trọng nhất với trẻ. Hy vọng phụ huynh có thể hiểu, việc giáo dục từ sớm một cách khoa học tuyệt đối không phải tiến hành hình thức nhồi nhét kiến thức. Việc thành bại của giáo dục từ sớm sẽ dẫn đến quyết định em bé của ai có thể thắng ngay từ vạch xuất phát!
2. **Tháng đầu tiên khi được sinh ra đã có lớp học:** Từ 0 – 3 tuổi mỗi tháng đều có lớp học, 6 bước hướng dẫn phát triển năng lực cho bé từ 0 – 12 tháng tuổi giúp nhận biết ngôn ngữ, vận động lớn, động tác nhỏ, tự nhiên và xã hội. Việc giáo dục từ sớm cho trẻ ở giai đoạn 0 – 1 tuổi là giai đoạn phát triển trí năng siêu tốc của con người, trí năng của bé được chia làm nhiều loại: chỉ số thông minh IQ, chỉ số cảm xúc EQ (bao gồm tình thân, tình yêu và tình bạn) v.v… Đây đều là những móc xích quan trọng, nếu lỡ mất khó mà bù đắp được, cho dù có tiêu nhiều tiền đi nữa cũng không có tác dụng.
3. **Cha mẹ là thầy cô đầu tiên của bé :** Bé sẽ nảy sinh sự ảnh hưởng rất lớn đối với hành động và lời nói của người mà bé tiếp xúc nhiều nhất. Đó chính là lý do tại sao trẻ thường có tính cách và thói quen giống với ba mẹ hoặc người trong nhà. Thông thường mà nói, cha mẹ như thế nào thi con sẽ như thế đấy. Việc giáo dục từ sớm cho trẻ là một môn khoa học mà cha mẹ và người thân của bé cũng cần phải học tập tốt.

Những vấn đề hiện hữu trong việc giáo dục từ sớm:

1. Thương yêu và bảo bọc quá độ, không cho bé vận động nhiều, điều đó sẽ gây trở ngại đến sự phát triển của hệ thống thần kinh vận động.
2. Thiếu quan tâm, giao bé cho bảo mẫu hay ông bà, thiếu sự giao lưu và vun đắp tình cảm của người thân.
3. Xem việc giáo dục từ sớm đơn giản chỉ là nhận biết chữ, đọc sách, viết chữ, làm toán.
4. Môi trường sống thiếu sự kích thích của thông tin, thiếu sự kích thích của thính giác.
5. Bỏ qua thời kì vàng phát triển khả năng ngôn ngữ của bé.

Giáo dục từ sớm có thể giúp phụ huynh giải quyết những vấn đề sau:

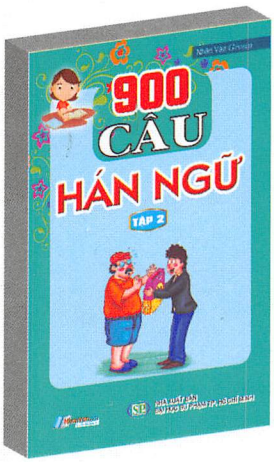
1. **Học tập một số nội dung có giá trị:** Trước 3 tuổi là thời kỳ bé nhạy cảm với tri giác, trí nhớ và tư duy nhất, sau 3 tuổi sẽ học các vận động, bé rất thích nghe kể chuyện cổ tích, trong quá trình bé nghe kể chuyện sẽ phát huy trí tưởng tượng của mình, sự tưởng tưởng của trẻ sẽ được rèn luyện theo sự phát triển của câu chuyện.

2. **Giúp trẻ học tốt tiếng Anh:** Năm 2009 Hiệp hội tâm lý học của Mỹ công bố một kết quả nghiên cứu khả năng ngôn ngữ của con người thường định hình ở độ tuổi 13, sau đó dần dần biến mất. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy độ tuổi tốt nhất cho trẻ học tiếng Anh là 4 – 13 tuổi (0 – 3 tuổi là thời kỳ quan trọng để học tiếng mẹ đẻ), nếu như ở giai đoạn này, phụ huynh xem trọng việc học tiếng Anh của trẻ, sẽ dễ dàng có được hiệu quả tốt, nếu bỏ lỡ giai đoạn này, trẻ rất khó học được tiếng Anh chuẩn.

3. **Phụ huynh không còn lo lắng cho việc học của trẻ nữa:** "Bút thông minh" chấm nhẹ nhàng, đọc tiếng Anh, tiếng Việt chuẩn, giúp ông bà có thể phụ đạo cho trẻ học tập, giúp ông bà có cách dạy tốt, trẻ học được tốt, cha mẹ cũng yên tâm hơn.

TRỌN BỘ 8 QUYỂN

















NhanVan.vn
Nhà sách trực tuyến

ISBN: 978-604-918-144-3

Giá: 30.000đ